TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2018/HS-ST
Ngày 10-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc;

Bà Trịnh Thị Kim Quyên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Lợi - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thanh V, sinh năm 1983 tại Long An; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 34 tuổi; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nơi sinh sống (Cư trú): Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (Học vấn): 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H (chết) và bà Lê Thị X; Có vợ Lê Thị Nh (đã ly hôn) và 01 người con 12 tuổi; Tiền sự: Chưa có; Tiền án: Có 02 tiền án: (1) Ngày 22/4/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 09/3/2005, chưa xóa án tích; (2) Ngày 21/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 10/01/2017; Nhân thân: Ngày 11/7/2012, bị Ủy ban nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 5647/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 29/6/2014; Bị cáo bị bắt, tạm giam theo lệnh truy nã từ ngày 26/5/2018 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Những người bị hại*:

1/ Chị **Phan Thị Ngọc Q**, sinh năm 1990 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

2/ Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1981 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An;

- *Những người làm chứng*:

1/ Chị **Lê Thị Hồng X**, sinh năm 1982 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

2/ Chị **Trần Thị Hồng Th**, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

3/ Anh **Lê Thành T**, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/11/2017, chị Phan Thị Ngọc Q điều khiển xe mô tô WaveS biển số 62M1-218.78 về nhà tại ấp B, xã T, huyện C; lúc này trong nhà có Lê Thanh T và Lê Thanh V, là anh chồng của chị Q. V nảy sinh ý định lấy trộm xe của chị Q bán lấy tiền tiêu xài nên đến khoảng 00 giờ ngày 24/11/2017, lợi dụng lúc chị Q và anh T đã ngủ, V mở cửa nhà trước dẫn xe của chị Q ra ngoài, bứt dây điện ổ khóa xe rồi điều khiển xe đến khu vực ngã tư Nguyễn Văn Linh, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh bán xe cho một người đàn ông chạy xe ôm không rõ lai lịch với giá 4.500.000 đồng.

V sống lang thang và tiêu xài hết số tiền bán xe. Ngày 18/12/2017, V đến nhà anh Nguyễn Văn Tr ở ấp Bình Hòa, xã Tân Lân chơi, đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, thấy anh Tr đi đón con bằng xe mô tô Dream biển số 62M3-0525 nên V nảy sinh ý định lấy xe anh Tr bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này chỉ có V ở nhà anh Tr, V nhìn thấy bóp da (ví tiền) của anh Tr để trên nóc tủ lạnh, V mở bóp da ra lấy Giấy đăng ký xe 62M3-0525 cùng số tiền 40.000 đồng rồi để lại bóp da ở vị trí cũ. Sau khi anh Tr về, V hỏi mượn xe của anh Tr để về nhà rồi sẽ trả lại. Sau khi mượn được xe, V điều khiển xe đến Bến xe Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 3.500.000 đồng, dùng số tiền tiêu xài cá nhân và tiếp tục sống lang thang ở thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, không kiếm

chế được lòng tham nên bị cáo trộm xe của chị Q và lừa dối để lấy xe của anh Tr mang đi bán. Bị cáo bị truy cứu về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng, không oan sai; Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản; Lời khai của những người bị hại và lời khai của những người làm chứng vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Lời trình bày của người bị hại chị Phan Thị Ngọc Q tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 24/11/2017, khi thức dậy để chuẩn bị đi làm, chị phát hiện chiếc xe mô tô WaxeS biển số 62M1-218.78 của chị bị mất. Khi cơ quan điều tra xác định được bị cáo V là người lấy trộm xe, chị không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo V theo quy định của pháp luật.

Người bị hại anh Nguyễn Văn Tr có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, bị cáo V đến nhà anh rủ uống rượu nhưng anh không đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày anh đi đón con và V ở nhà của anh một mình. Khi anh về, V tiếp tục rủ anh uống rượu nhưng anh không đồng ý nên V mượn xe mô tô biển số 62M3-0525 để về nhà, hẹn 20 phút sau quay lại trả, anh cho V mượn. Nhưng mượn xe rồi V đi luôn không quay lại, anh kiểm tra bóp da phát hiện mất Giấy đăng ký xe mô tô 62M3-0525 và số tiền 40.000 đồng; sau này anh mới biết V mang xe đi bán. Anh không yêu cầu V bồi thường thiệt hại, anh đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo V theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng chị Lê Thị Hồng X trình bày tại phiên tòa và chị Trần Thị Hồng Th, anh Lê Thành T trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Đước như diễn biến sự việc đã nêu trên. Sau khi được Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người làm chứng vắng mặt, bị cáo thừa nhận là phù hợp với hành vi của bị cáo, không có ý kiến phản đối.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSCĐ ngày 11/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Thanh V về các tội "Trộm cắp tài sản", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 và điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Thành V đủ yếu tố cấu thành các tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo có 02 tiền án và nhân thân xấu, trong đó cả 02 tiền án đều về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác chưa được xóa án tích. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 138 và điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình Sự. Hành vi của bị

cáo xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội nhiều lần" theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có mẹ là bà Lê Thị Xéo có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ của nhà nước, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh V phạm các tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Thanh V từ 02 đến 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Thanh V từ 02 đến 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 các điều 138, 139 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, không đề cập.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại chị Q, anh Tr không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Đước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 00 giờ ngày 24/11/2017, bị cáo lợi dụng lúc chị Phan Thị Ngọc Q ngủ đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển số 62M1-218.78 là tài sản của chị Q và bán cho một người không rõ lai lịch ở huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo sử dụng số tiền bán xe trộm được tiêu xài cá nhân và sống lang thang. Ngày 10/12/2017, bị cáo đến nhà anh Nguyễn Văn Tr; thấy anh Tr có xe mô tô biển số 62M3-0525 nên bị cáo nảy sinh ý định lấy xe của anh Tr bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lợi dụng lúc anh Tr không có nhà, bị cáo lấy trộm của anh Tr 40.000 đồng và Giấy đăng ký xe mô tô 62M3-0525, sau đó bị cáo mượn xe của anh Tr, nói là về nhà khoảng 20 phút quay lại trả lại xe, nhưng bị cáo chạy đến địa bàn Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh bán xe cho người khác không rõ lai lịch.

[3] Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS là 10.942.000 đồng; giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Dream Halim là 4.167.000 đồng.

[4] Bị cáo có 02 án tích về các tội chiếm đoạt tài sản của người khác: Ngày 22/4/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 09/3/2005, chưa xóa án tích; Ngày 21/7/2015, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 10/01/2017, cũng chưa được xóa án tích. Nay lại tiếp tục lấy trộm xe mô tô của chị Q trị giá 10.942.000 đồng; trộm cắp 40.000 đồng của anh Tr; dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt xe mô tô của anh Tr giá trị 4.167.000 đồng bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã cấu thành các tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với cùng tình tiết định khung hình phạt là "Tái phạm nguy hiểm" tại điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình Sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An đối với bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo phạm các tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[5] *Xét luật áp dụng*: Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào tháng 11 và tháng 12/2017, đến nay mới đưa ra xét xử. Căn cứ Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 02 Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Đối chiếu quy định tại điểm c khoản 2 của các Điều 138, 139 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 và điểm g khoản 2 Điều 173, điểm d khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017, Hội đồng xét xử thấy rằng các khung hình phạt bằng nhau nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo.

[5.1] Tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

[5.2] Tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

d) Tái phạm nguy hiểm;

[6] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có mẹ là bà Lê Thị X có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ của nhà nước; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] *Xét hình phạt đối với bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có 02 tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản của người khác, chưa được xóa án tích nhưng vẫn chứng nào tật ấy; bị

Ủy ban nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ bị cáo chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Nhưng bị cáo lại nhiều lần thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động; trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác.Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục.

[9] *Xét hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 các Điều 173, 174 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] *Xét trách nhiệm dân sự:* Những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, không đề cập.

[11] *Về án phí*: Bị cáo Lê Thanh V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 329; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh V phạm các tội "**Trộm cắp tài sản**" và "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**":

Xử phạt bị cáo Lê Thanh V 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Lê Thanh V 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Lê Thanh V là 06 (sáu) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 các điều 173, 174 của Bộ luật Hình sự.

Về án phí: Bị cáo Lê Thanh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Lê Thanh V, người bị hại anh Nguyễn Văn Tr và chị Phan Thị Ngọc Q. Báo cho bị cáo, những người bị hại có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện Cần Đước;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Cần Đước;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cần Đước;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA